|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**  **¯¯¯¯¯¯** | **MA TRẬN**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2023-2024**  Môn: Lịch sử và Địa lí 6  Thời gian: 60 phút*(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  **(TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | |
| **1** | **VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TCN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X** | 1. Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc | 2TN |  |  |  |  |  |  |  | 5%  0,5 điểm |
| 2. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X | 3TN |  |  | 1TL |  | 1TL |  |  | 32,5%  3,25 điểm |
| 3. Vương quốc Champa | 3TN |  |  |  |  |  |  | 1TL | 12,5%  1,25 điểm |
| **Số câu/loại câu** | | | **8TN** |  |  | **1TL** |  | **1TL** |  | **1TL** |  |
| **Tỉ lệ** | | | **20%** | | **15%** | | **10%** | | **5%** | | **50%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | | | **NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT** | | 1. Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  2. Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển | | 2TN |  |  | |  | |  |  | |  |  | 5%;  0,5 điểm |
| **2** | | | **ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT** | | 1. Lớp đất trên Trái Đất. Thành phần của đất  2. Các nhân tố hình thành đất  3. Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên TĐ  4. Sự sống trên hành tinh  5. Sự phân bố các đới thiên nhiên  6. Rừng nhiệt đới | | 3TN |  |  | | 1TL | |  |  | |  |  | 25%  2,5điểm |
| **3** | | | **CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN** | | 1. Dân số thế giới  2. Sự phân bố dân cư thế giới  3. Con người và thiên nhiên  4. Dân cư thế giới phân bố không đều. | | 3TN |  |  | |  | |  | 1TL | |  | 1TL | 20%  2,0 điểm |
| **Số câu/loại câu** | | | | | | | **8TN** |  |  | | **1TL** | |  | **1TL** | |  | **1TL** |  |
| **Tỉ lệ** | | | | | | | **20%** | | **15%** | | | | **10%** | | | **5%** | | **50%** |
| **Tổng hợp chung** | | | | | | | **40%** | | **30%** | | | | **20%** | | | **10%** | | **100%** |
| **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2**  **MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÍ 6**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** | | **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | 1 | **VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TCN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X** | 1. Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hóa của dân tộc | **Nhận biết**  Trình bày được những nét chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...) | 2TN\* |  |  |  | | 2. Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X | **Nhận biết**  Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương  **Thông hiểu**  – Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938  – Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938)  **Vận dụng**  Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền. | 3TN  2TN\* | 1TL\* | 1TL |  | | 3. Vương quốc Chăm -pa | **Nhận biết**  – Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Champa  – Nêu được một số thành tựu văn hoá của Champa  **Vận dụng cao**  – Liên hệ được một số thành tựu văn hoá của Champa có ảnh hưởng đến hiện nay | 3TN  1TN\* |  |  | 1TL | | Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu TL | 1 câu TL | | ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | **NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT** | | 1. Sông, hồ và việc sử dụng nước sông, hồ  2. Biển và đại dương. Một số đặc điểm của môi trường biển | | **Nhận biết**  - Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn  - Xác định trên bản đồ các đại dương thế giới  - Trình bày được các hiện tượng sóng, thủy triều, dòng biển | | | | 2TN | |  | | |  | |  | |
| **2** | **ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT** | | 1. Lớp đất trên TĐ. Thành phần của đất  2. Các nhân tố hình thành đất  3. Một số nhóm đất điển hình ở các đới thiên nhiên trên TĐ  4. Sự sống trên hành tinh  5. Sự phân bố các đới thiên nhiên  6. Rừng nhiệt đới | | **Nhận biết**  – Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất.  – Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.  – Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.  **Thông hiểu**  Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới. | | | | 3TN | | 1TL | | |  | |  | |
| **3** | **CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN** | | 1. Dân số thế giới  2. Sự phân bố dân cư thế giới  3. Con người và thiên nhiên | | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên TG  – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới.  – Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.  **Vận dụng**  – Nêu được các tác động của thiên nhiên lên hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người (tác động đến đời sống sinh hoạt của con người; tác động đến sản xuất).  **Vận dụng cao**  – Trình bày được những tác động chủ yếu của loài người lên thiên nhiên Trái Đất (tác động tích cực; tác động tiêu cực).  - Sự phân bố dân cư trên thế giới phụ thuộc vào nhiều yếu tố như vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, đất đai, nguồn nước)  - Phụ thuộc sự phát triển kinh tế, trình độ phát triển của con người, lịch sử định cư. | | | | 3TN | |  | | | 1TL | | 1TL | |
| Số câu/ loại câu | | | | |  | | | | 8 câu TNKQ | | 1 câu TL | | | 1 câu TL | | 1 câu TL | |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | |  | | | | ***20%*** | | ***15%*** | | | ***10%*** | | ***5%*** | |
| **Tổng hợp chung** | | | | |  | | | | **40%** | | **30%** | | | **20%** | | **10%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GDĐT HUYỆN ĐẠI LỘC  **TRƯỜNG TH&THCS ĐẠI TÂN**  **¯¯¯¯¯¯** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2023-2024**  Môn: Lịch sử và Địa lí 6  Thời gian: 60 phút*(không kể thời gian phát đề)* |

**I. TRẮC NGHIỆM***(4,0 điểm)*

**A. PHẦN LỊCH SỬ***(2,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | C | D | D | A | B | D | A | C |

1. **PHẦN ĐỊA LÍ** (2,0 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | B | D | C | B | A | D | B | A |

**II. TỰ LUẬN:** *(6,0 điểm)*

**A. PHẦN LỊCH SỬ: (3 điểm***)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Trình bày những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938. Nêu ý nghĩa.** | **1,5đ** |
|  | - Diễn biến:  + Cuối năm 938, đoàn thuyền chiến do Lưu Hoằng Tháo chỉ huy tiến vào cửa sông Bạch Đằng. Nhân lúc thuỷ triều lên, Ngô Quyền cho thuyền nhỏ ra khiêu chiến, nhử quân giặc tiến sâu vào cửa sông. Lưu Hoằng Tháo cho quân đuổi theo, vượt qua bãi cọc ngầm.  + Đợi khi thuỷ triều rút, Ngô Quyền hạ lệnh tấn công. Quân giặc thua và phải rút ra biển, thuyền va vào cọc nhọn. Ta đem thuyền ra đánh, quân giặc hoảng loạn nhảy xuống sông. Lưu Hoằng Tháo tử trận.  - Ý nghĩa: Chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài cho dân tộc. | 0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| **Câu 2** | **Nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện như thế nào?** | **1,0đ** |
|  | - Phân tích được thế mạnh yếu của quân giặc. Chủ động bày trận địa phục kích.  - Biết lợi dụng lợi thế của sông Bạch Đằng để tổ chức thuỷ chiến.  - Sáng tạo ra cách sử dụng các cọc ngầm và quy luật lên – xuống của thủy triều để bố trí trận địa chiến đấu.  - Tổ chức, bố trí và sử dụng các lực lượng hợp lý, linh hoạt để tiêu diệt quân địch. | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **Câu 3** | **Kể tên ít nhất 2 thành tựu văn hóa của Chăm-pa còn tồn tại đến ngày nay?** | **0,5đ** |
|  | - Đền, tháp chăm (khu Thánh địa Mỹ Sơn).  - Nghệ thuật tạo hình, ví dụ: tượng Vũ nữ Áp-sa-ra; đài thờ Trà Kiệu… | 0,5đ |

**B. PHẦN ĐỊA LÍ** *(3,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1** | **Hãy nêu đặc điểm của rừng nhiệt đới.** | **1,5đ** |
|  | - Phân bố: Từ vùng Xích đạo đến hết vành đai nhiệt đới ở cả bán cầu Bắc và bán cầu Nam  - Khí hậu: Nhiệt độ trung bình năm trên 21°C, lượng mưa trung bình năm trên 1700 mm  - Cấu trúc: Rừng gồm nhiều tầng: 2-3 tầng trở lên  - Thực vật: Có nhiều loài cây thân gỗ, dây leo chẳng chịt; phong lan, tầm gửi, địa y bám trên thân cây  - Động vật: Động vật rất phong phú, nhiều loài sống trên cây, leo trèo giỏi như khỉ, vượn,... nhiều loài chim ăn quả có màu sắc sặc sỡ  - Phân loại: Gồm 2 kiểu chính: Rừng mưa nhiệt đới, rừng nhiệt đới gió mùa | 0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| **Câu 2** | **Tác động của thiên nhiên đến sản xuất công nghiệp của con người? Cho ví dụ.** | **1,0đ** |
|  | - Tài nguyên thiên nhiên là nguồn cung cấp nhiên liệu, năng lượng, nguyên liệu để các ngành công nghiệp hoạt động.  - Ví dụ:  + Khoáng sản (sét, cao lanh) là nguyên liệu cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng.  + Tôm, cá... là nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.  .... | 0,5đ  0,5đ |
| **Câu 3** | **Vì sao dân cư trên thế giới phân bố không đều?** | **0,5đ** |
|  | - Sự phân bố dân cư trên thế giới phụ thuộc vào nhiều yếu tố như vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, đất đai, nguồn nước)  - Phụ thuộc sự phát triển kinh tế, trình độ phát triển của con người, lịch sử định cư. | 0,25đ  0,25đ |